

CÔNG KHAI ĐẦU NĂM HỌC 2025 - 2026
(Theo Thông Tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 03/06/2024)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1980/SGDĐT-KHTC ngày 21/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 277/PGDĐT ngày 02/7/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Cầu Giấy về việc thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Trần Duy Hưng báo cáo kết quả thực hiện công khai trong nhà trường đầu năm học 2025 - 2026 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Trần Duy Hưng

2. Cổng thông tin điện tử:

- **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 5 phố Nguyễn Xuân Linh, phường Yên Hoà, thành phố Hà Nội.

- **Điện thoại:** 0243.8803866

- **Địa chỉ thư điện tử:** c2tranduyhung@gmail.com

- **Địa chỉ trang tin điện tử:** thestranduyhung.edu.vn

3. Loại hình của nhà trường:

- Cơ sở giáo dục công lập theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND quận Cầu Giấy.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Yên Hoà.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng

Trường THCS Trần Duy Hưng cam kết giúp HS phát triển toàn diện, có khả năng thích ứng cao, trở thành những công dân toàn cầu trong tương lai, khơi nguồn những tiềm năng để HS tỏa sáng trên mọi lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao, tạo nguồn nhân lực chất lượng cho Thành phố và đất nước.

4.2. Tầm nhìn

- Xây dựng kế hoạch kiểm định đạt cấp độ 3, công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2026.

- Xây dựng đề án chất lượng cao vào năm 2027.

- Định hướng xây dựng nhà trường Kĩ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng trường THCS Trần Duy Hưng trở thành ngôi trường:

- Kĩ cương, chất lượng.

- Đổi mới, sáng tạo.
- Hiện đại, chuyên nghiệp.
- An toàn, hạnh phúc.
- Hội nhập, phát triển.

4.4. Mô hình phát triển nhà trường

- Giáo dục toàn diện phát triển đức - trí - thể - mỹ cho học sinh, mở rộng giao lưu trong nước và quốc tế.
- Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại, bước đầu thực hiện lớp học thông minh, trường học thông minh.
- 100% học sinh có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần phấn đấu cao, có trách nhiệm với bản thân và với gia đình- xã hội.
- Giáo viên giỏi, năng lực sư phạm tốt, không ngừng phấn đấu, sáng tạo.
- Đáp ứng mọi yêu cầu về học tập, bồi dưỡng nâng cao của học sinh.

4.5. Hệ giá trị cốt lõi

*** YÊU THƯƠNG**

- Biết quan tâm, trân trọng và yêu thương bản thân.
- Gắn kết, chia sẻ, hiếu thảo trong gia đình.
- Lan tỏa lòng nhân ái, sống tử tế với cộng đồng.

*** TRÁCH NHIỆM**

- Ý thức, tự giác trong học tập, công việc và cuộc sống.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội.
- Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

*** HỢP TÁC**

- Biết lắng nghe, chia sẻ và làm việc nhóm hiệu quả.
- Phát huy sự thông minh, sáng tạo trong phối hợp.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, cùng nhau phát triển.

*** SÁNG TẠO**

- Luôn tìm tòi, đổi mới, không ngừng học hỏi.
- Vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề.
- Tạo ra giá trị mới, mang lại lợi ích thiết thực cho bản thân và xã hội.

*** HỘI NHẬP**

- Mở rộng tầm nhìn, tiếp thu tinh hoa văn hóa và tri thức.
- Chủ động hòa nhập trong nước, khu vực và quốc tế.
- Giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập toàn cầu.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường THCS Trần Duy Hưng được thành lập theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND quận Cầu Giấy.
- Tháng 12/2023, trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 22/12/2023)
- Năm 2023, trường được công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (theo Quyết định số 2990/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2023).
- Năm học 2025-2026 nhà trường được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.
- Tập thể lao động xuất sắc liên tục năm học 2023-2024, 2024-2025.
- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ từ khi thành lập đến nay.

- Công đoàn xuất sắc cấp Thành phố.
- Xếp loại xuất sắc về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe.
- Đơn vị tiên tiến, xuất sắc về thể dục thể thao.

Trường được công nhận là trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích nhiều năm liên tục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Bà Lê Kim Anh - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0912148947

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND quận Cầu Giấy về việc thành lập trường THCS Trần Duy Hưng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND quận Cầu Giấy về việc kiện toàn và công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường THCS Trần Duy Hưng.

- Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Hội đồng trường
1.	Lê Kim Anh	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Nguyễn Ngọc Phúc	Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng - Chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch
3.	Đào Nguyễn Thanh Hương	Chi ủy chi bộ - Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4.	Nguyễn Tùng Vân	Thư Ký HĐSP	Thư ký
5.	Ngô Thị Mến	Trưởng Ban TTND	Thành viên
6.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7.	Chu Thanh Hằng	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8.	Nông Thị Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
9.	Vũ Thuý Hoa Vân	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
10.	Đỗ Thu Hoài	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
11.	Vũ Thị Như Phương	Tổng phụ trách	Thành viên
12.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bí thư Đoàn TNCS HCM	Thành viên
13.	Nguyễn Hải	Phó chủ tịch UBND phường Trung Hoà	Thành viên
14.	Trần Kiều Hưng	Đại diện CMHS trường	Thành viên
15.	Cù Bảo Ngân	Liên đội trưởng	Thành viên



STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Hội đồng trường
		Học sinh lớp 7A5	

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Bà Lê Kim Anh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Trần Duy Hưng theo quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND quận Cầu Giấy; quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Yên Hoà.

- Ông Nguyễn Ngọc Phúc được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Duy Hưng theo quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 02/7/2021 của UBND quận Cầu Giấy; quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Yên Hoà.

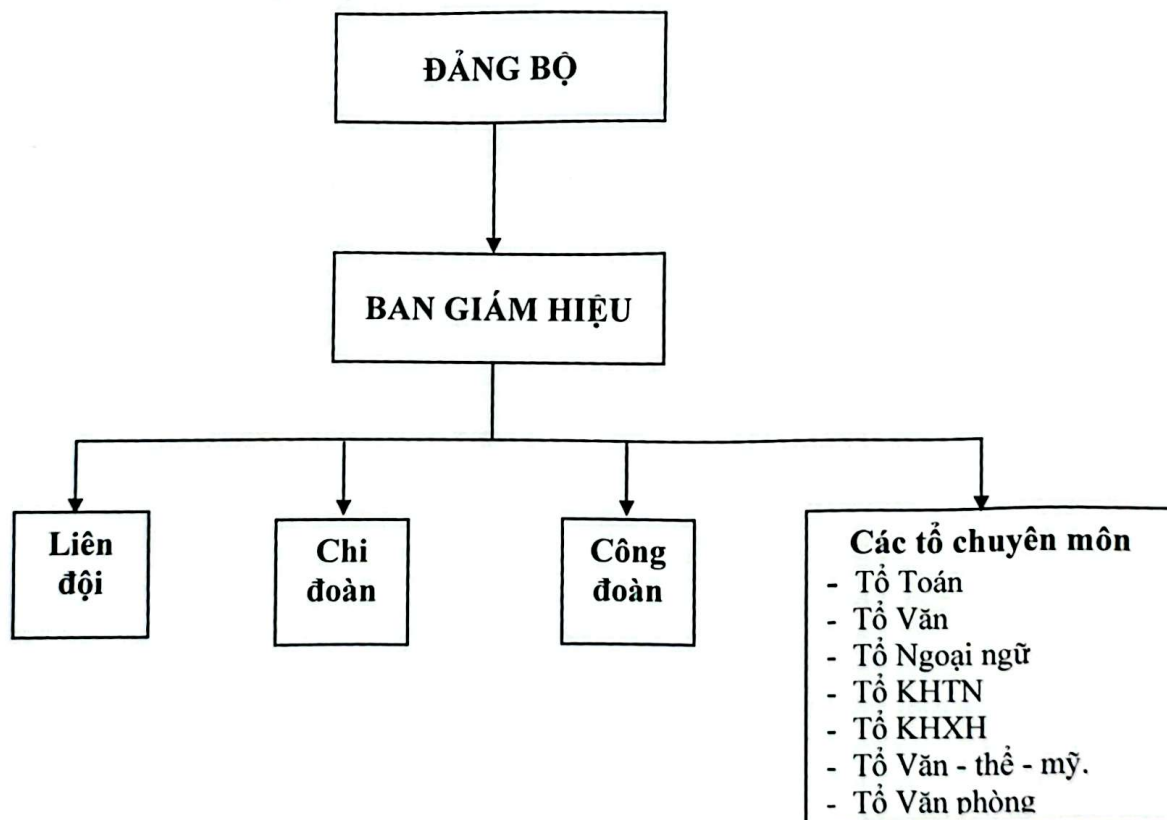
- Bà Đào Nguyễn Thanh Hương được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Trần Duy Hưng theo quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của UBND quận Cầu Giấy; quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND phường Yên Hoà.

d. Quy chế làm việc của nhà trường

Căn cứ theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2024.

Căn cứ theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều lệ nhà trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường**



8. Các văn bản khác được niêm yết công khai tại Phòng Hội đồng

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục.

- Quy chế dân chủ.
- Quy chế chỉ tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông kê đội ngũ giáo viên, nhân viên toàn thời gian theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp và hoàn thành bồi dưỡng hàng năm

T T	Đội ngũ giáo viên	Số lượng	Trình độ					Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng hằng năm	
			THPT	CD	DH	Thạc sĩ	Tiến sĩ	SL Khá	Tỉ lệ %	SL Tốt	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
I	Cán bộ quản lý	3				2	1			3	100	3	100
1	Hiệu trưởng	1					1			1	100	1	100
2	Phó hiệu trưởng	2				2				2	100	2	100
II	Giáo viên	94			62	32				94	100	94	100
1	Giáo viên THCS hạng I	1				1				1	100	1	100
2	Giáo viên THCS hạng II	12			7	5				12	100	12	100
3	Giáo viên THCS hạng III	40			23	17				40	100	40	100
4	Giáo viên HĐ quận, phường	35			28	7				35	100	35	100
5	Giáo viên HĐ trường	6			4	2				6	100	6	100
III	Nhân viên	9	3	2	2	2						9	100
1	Nhân viên văn thư	1				1						1	100
2	Nhân viên kế toán	1			1							1	100
3	Nhân viên thiết bị, TN												
4	Nhân viên y tế	1		1								1	100
5	Nhân viên thư viện	1			1							1	100
6	Nhân viên thủ quỹ												
7	Nhân viên giám thị	1				1						1	100
8	Nhân viên bảo vệ	4	3	1								4	100
	Tổng	106	3	2	64	36	1			97		106	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	58	
II	Loại phòng học	58	
1	Phòng học kiên cố	48	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	48/48	
8	Bình quân học sinh/lớp	2.185/48	45,5
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	10.654m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	380	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	- Khối nhà B: 64m ² x 20 lớp - Khối nhà C: 64m ² x 24 lớp	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	90 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	12 m ² x 13 phòng	
3	Diện tích thư viện (m ²)	282m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	T2 nhà A: 677 m ²	
5	Diện tích phòng khác (m ²) Phòng truyền thống	Tầng 5 nhà B: 68m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

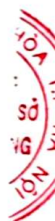
1	Khối lớp 6	12	01/12 lớp
2	Khối lớp 7	12	01/12 lớp
3	Khối lớp 8	12	01/13 lớp
4	Khối lớp 9	11	01/11 lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	140	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể Máy chiếu đa vật thể	57 4	

2. Danh mục sách giáo khoa

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

Sử dụng trong trường THCS Trần Duy Hưng năm học 2025 – 2026

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Ngữ văn 6, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ văn 6, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Toán 6, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Toán 6, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục công dân 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Khoa học tự nhiên 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo 1
12	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	Tiếng Anh 6 Sách học sinh	Global Success, tập 1
15	Tiếng Anh 6 Sách học sinh	Global Success, tập 2
16	Bài tập Tiếng Anh 6	Global Success, tập 1
17	Bài tập Tiếng Anh 6	Global Success, tập 2



DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7**Sử dụng trong trường THCS Trần Duy Hưng năm học 2025 – 2026**

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Ngữ văn 7, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ văn 7, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Toán 7, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Toán 7, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục công dân 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lý 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Khoa học tự nhiên 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 7	Chân trời sáng tạo 1
12	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	Tiếng Anh 7 Sách học sinh	Global succes
15	Tiếng Anh 7 Sách bài tập	Global succes

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8**Sử dụng trong trường THCS Trần Duy Hưng năm học 2025 – 2026**

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Ngữ Văn 8, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ Văn 8, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Toán 8, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Toán 8, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục công dân 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lý 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo 1
12	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	Tiếng Anh 8 Sách học sinh	Global succes
15	Tiếng Anh 8 Sách bài tập	Global succes

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

Sử dụng trong trường THCS Trần Duy Hưng năm học 2025 - 2026

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Ngữ Văn 9, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Ngữ Văn 9, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Toán 9, tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Toán 9, tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục công dân 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Lịch sử và Địa lý 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Công nghệ 9 - Định hướng Nghề nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Công nghệ 9 - Trải nghiệm Nghề nghiệp - Mô đun Chế biến thực phẩm	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Mĩ thuật 9	Chân trời sáng tạo 1
13	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
15	Tiếng Anh 9 Sách học sinh	Global succes
16	Tiếng Anh 9 Sách bài tập	Global succes

V. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kết quả đánh giá:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	---
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	---
Tiêu chí 1.6		X	X	---

Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	---
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	---
Tiêu chí 5.4		X	X	---
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (SGDDT Hà Nội)

- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 2

- Thời gian hiệu lực: 5 năm, từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường thực hiện Kế hoạch tuyển sinh số 13/KH-THCSTDH ngày 31/3/2025 của trường THCS Trần Duy Hưng, cụ thể:

a. Chỉ tiêu: 540 học sinh (12 lớp)

b. Độ tuổi và điều kiện tuyển sinh

*** Độ tuổi**

- Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2014).

- Những trường hợp đặc biệt:

+ Những học sinh được học vượt lớp hoặc học sinh được vào học Tiểu học

ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở Tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học.

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở độ tuổi cao hơn 03 tuổi so với quy định.

*** Điều kiện tuyển sinh**

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào lớp 6 (theo mẫu M02) đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp hoặc in phiếu trên hệ thống đối với trường hợp tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến.

- Bản chính học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ.

- Bản sao Giấy khai sinh hợp lệ.

- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên, khuyến khích do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

c. Phương thức tuyển sinh

* Xét tuyển: Thực hiện phương thức xét tuyển theo tuyển tuyển sinh do UBND quận quy định, tiếp tục sử dụng phần mềm hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến.

*** Hình thức tuyển sinh**

+ Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Từ ngày 07/7/2025 đến hết ngày 09/7/2025.

+ Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: Từ ngày 12/7/2025 đến hết ngày 18/7/2025.

1.2. Kế hoạch giáo dục

- Thực hiện chương trình học 35 tuần, học theo thời lượng 35 tiết/tuần. Tất cả các khối học 2 buổi/ngày, thực hiện bán trú tại trường.

- Dạy học theo của chương trình GDPT 2018. Đẩy mạnh dạy học theo chủ đề, dạy học theo chủ đề tích hợp liên môn.

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn phường làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Học sinh thực hiện tốt nội qui nhà trường, nội qui sử dụng phòng học bộ môn.

- Học sinh chủ động, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục.

4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

- Hỗ trợ tiền trang bị sách tham khảo; sách báo, truyện ở thư viện.

- Hỗ trợ kinh phí mua mẫu vật thực hành, đồ dùng dạy học ở các môn học.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa: GD kỹ năng sống, GD giới tính, các hoạt động đoàn đội, hoạt động CTĐ, từ thiện, nhân đạo...

5. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025

5.1. Kết quả tuyển sinh đầu vào lớp 6

STT	Số lớp	Số học sinh
01	12	537

5.2 Kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1916	544	592	463	317
1	Tốt	1903	540	587	459	317
2	Khá	13	4	5	4	0
3	Đạt/ Trung bình	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt/ Yếu	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1916	544	592	463	317
1	Tốt	1242	360	373	318	191
2	Khá	498	146	155	110	87
3	Đạt/ Trung bình	174	37	64	34	39
4	Chưa đạt/ Yếu	2	1	0	1	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	1597	0	543	592	462
a	Học sinh Xuất sắc	333	107	100	79	47
b	Học sinh Giỏi	948	272	286	255	135
2	Thi lại	12	4	4	4	0
3	Lưu ban	2	1	0	1	0
4	Chuyển trường đến/đi	51/34	0/2	27/10	21/15	3/7
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	405	74	96	97	138
1	Cấp Quận/huyện	27	0	0	1	26
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	317	0	0	0	317
	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	317	0	0	0	317
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	317	0	0	0	317
1	Giỏi	0	0	0	0	0
2	Khá	0	0	0	0	0
3	Trung bình	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	986/930	283/261	310/282	225/238	168/149
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	15	6	5	4	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo	Năm liền kề
		2025	2024
I	TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU	34.722	26.842
1	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước	11.462	7.018
2	Nguồn học phí	3.048	5.591
3	Các khoản thu khác từ người học	20.212	14.233
3.1	Tiền chăm sóc bán trú	4.357	3.546
3.2	Tiền cơ sở vật chất bán trú	274	237
3.3	Tiền CLB ngoại khóa	990	387
3.4	Các khoản tiền khác		
3.5	Tiền thu hộ - chi hộ	14.591	10.063
II	TỔNG HỢP CHI	34.722	26.842
1	Các khoản chi lương và thu nhập	19.000	15.937
2	Chi cơ sở vật chất dịch vụ (mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng, và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn và các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển)	6.422	4.604
3	Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng...)	200	182
4	Chi khác	100	17
6	Tiền thu hộ - chi hộ	9.000	6.102
7	Chênh lệch		

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

TT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024	GHI CHÚ
1	Thực hiện chính sách miễn, giảm	03 học sinh	

3. Số dư các quỹ theo quy định:

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số dư chuyển năm 2025	Ghi chú
1	Nguồn học phí (bao gồm CCTL)	2.212	
2	Tiền chăm sóc bán trú	514	
3	Tiền cơ sở vật chất bán trú	237	
4	Tiền CLB ngoại khóa	97	
5	Các khoản tiền khác	1.418	
6	Tiền thu hộ - chi hộ	2.882	
	CỘNG		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường tham gia thi GVG cấp Thành phố: Cô giáo Nông Thị Ngọc - TTCM tổ Xã hội 2 đạt Giải Nhất môn Lịch sử & Địa lí (phần môn Địa lí) và được Công đoàn ngành Giáo dục Hà Nội tặng Giấy khen “có nhiều nỗ lực, vươn lên và đổi mới, sáng tạo tại Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp THCS thành phố Hà Nội năm học 2024 - 2025”..

- Nhà trường tham gia thi GVG cấp Quận đạt 1 giải Nhất HĐTNHN, 2 giải nhì môn Tiếng Anh và KHTN (Mạch Năng lượng và sự biến đổi).

- Học sinh đạt kết quả cao trong kì thi HSG cấp Quận với 27 giải trong đó có: giải Nhất: 1 giải, giải Nhì: 8 giải, giải Ba: 8 giải, giải Khuyến khích: 10 giải. Kì thi HSG cấp thành phố với 4 giải trong đó có: giải Nhì: 2 giải, giải Ba: 2 giải.

- Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng:

+ Cấp Thành phố: 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 05 giải Ba và 04 giải Khuyến khích

+ Cấp Quốc gia: 01 giải khuyến khích

- Cuộc thi khởi nghiệp: 01 giải nhất cấp Quốc gia.

- Nhà trường đạt liên đội mạnh cấp Trung ương được Hội đồng Đội Trung ương tặng Bằng khen, Thành đoàn Hà Nội trao cờ thi đua xuất sắc

- Công đoàn đạt Xuất sắc, vững mạnh được LĐLĐ thành phố Hà Nội và Công đoàn ngành GDĐT Thành phố Hà Nội tặng Bằng khen.

- Chi bộ đạt tiêu chuẩn “*Trong sạch vững mạnh*” năm 2024.

- Công tác y tế, bán trú: Xếp loại Tốt. Đạt Trường học an toàn.

- Thư viện tiên tiến xuất sắc.

- Năm học 2024-2025: Trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội.

Trên đây là báo cáo công khai trong hoạt động giáo dục của trường THCS Trần Duy Hưng theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Kim Anh

T. P. HÀ N. N.